



Thành Ngữ Về Ngựa

Năm âm lịch 2026 bắt đầu vào ngày 17/2/2026 là ngày Tết Nguyên Đán. Ngày lập Xuân thường rơi vào khoảng ngày 4/2, nhưng năm nay ngày Tết Âm lịch lại rơi vào ngày 17/2, có nghĩa là sẽ chỉ có một ngày lập xuân trong năm âm lịch Bính Ngọ gọi là Đơn Xuân.

Người xưa chia một ngày thành 12 khắc, **giờ Ngọ (午时)** từ 11 giờ sáng đến 1 giờ chiều, khi mặt trời lên cao, khí dương đạt đỉnh điểm và vạn vật sinh sôi nảy nở, thời điểm rục rờ nhất trong ngày. Việc ghép chữ “Ngọ” (午) với chữ “Mã - ngựa” (马) xuất phát từ việc nuôi ngựa hoang và thuần hóa, giờ trưa là thời điểm đàn ngựa chạy nhảy và hí vang, hoạt động mạnh mẽ nhất. Chữ **mã thượng (马上)** trong tiếng Tàu không phải là trên lưng ngựa mà hiểu là ngay, lập tức, tức khắc cũng chỉ sự liên hệ giữa con ngựa và thời gian.

Bính thuộc mệnh hỏa nên **Bính Ngọ** được cho là hòa mã hay ta gọi là **ngựa hồng** mà tiếng Tàu gọi là **Xích mã (赤马)**. Điều này cho thấy thời tiết năm tới sẽ nhiều nắng, nhiệt độ cao, thời tiết và xã hội sẽ có thay đổi rất đáng kể.

Nói về xích mã trong Tam Quốc điển nghĩa có con ngựa nổi tiếng là **Xích Thố**. Xin giải thích thêm ngoài chữ **Xích là đỏ** chữ Thố là thỏ hiểu là màu lông của con ngựa này đỏ như lông thỏ. Ngựa Xích Thố lần đầu xuất



hiện trong Tam Quốc Điển Nghĩa khi Đổng Trác tặng nó cho Lã Bố để lấy lòng làm cho Lã Bố theo Đổng Trác và giết Đinh Nguyên. Vào thời nhà Hán, Tây Vực có những con ngựa tốt nhất thời đó đến từ Đại Uyển đặc biệt là loài ngựa **Hãn huyết bảo (mỏ hôi đỏ như máu)** còn gọi là **Ferghana**. Loại ngựa này có da rất mỏng, có thể nhìn thấy máu chảy bên trong. Khi ngựa chạy và đổ mồ hôi, trông như thể chúng đang chảy máu, vì vậy mới có tên là Hãn huyết bảo. Ngựa Xích Thố có thể từ một con ngựa loại này chạy rất nhanh. Con ngựa sau này thuộc về Quan Công, tác giả La Quán Trung đã không quên tuổi tác của cả Quan Công lẫn con ngựa Xích Thố trong trận đánh với Vu Cấm và Bàng

Đức. Lúc này Quan Công 58 tuổi con Xích Thố theo ông gần 30 năm chắc cỡ gần 40 tuổi. Khi miêu tả trận đánh với Bàng Đức chưa được 50 hiệp Quan Bình con nuôi của Quan Công đã khua chiêng xin lui vì sợ cha yếu ngựa già núng thế với Bàng Đức một con ngựa non đang háu đá. Khi Quan Vũ bị giết, con ngựa thuộc về tướng Mã Trung của Đông Ngô dưới trướng Tôn Quyền, nó đã không chịu ăn và chết theo chủ của mình là Quan Công. Đúng lẽ ra nó phải chết theo Lã Bố khi bị treo cổ mới phải!

Thôi nói về trang phục năm Bính Ngọ, những người **sinh năm Ngọ nên mặc đồ màu đỏ để xua đuổi ảnh hưởng xấu của sao Thái Tuế (太岁)**. Tương tự, những người sinh năm Tý cũng nên mặc đồ màu đỏ, vì Tý và Ngọ xung khắc với nhau.

Năm ngựa nói chuyện về các câu ngạn ngữ xứ Tàu. Có nhiều câu nói về con ngựa nhưng đều chỉ con người.

- Câu **“Nhất mã đương tiên” (一马当先)** ý nói những người đầu tàu xông ra phía trước,
- còn câu **“Thiên quân vạn mã” [千军 su 万马]** mà các cụ xứ ta dịch ra là thiên binh vạn mã chỉ quân đội hùng mạnh.
- Câu **“Thiên mã hành không” [天马行空]** mang nghĩa bóng miêu tả tài năng và tư duy phóng khoáng, tao nhã.
- **“Tâm viên ý mã” (心猿意马)** hiểu là tâm vượn ý ngựa mô tả một tâm trí bồn chồn, không yên ổn.
- **“Khuyển mã chi lao” (犬马之劳)**, một cách khiêm nhường để nói về công lao nhỏ bé
- **“Hàn mã công lao” [汗马功劳]** cụm từ này bắt nguồn từ hình ảnh những con ngựa chiến phi nước đại đổ mồ hôi trong thời cổ đại, mô tả những thành tựu xuất sắc và những nỗ lực gian khổ.
- **“Lão mã thức đồ” (老马识途)**, thành ngữ này được dùng để miêu tả người có nhiều kinh nghiệm.
- **“Binh hoang mã loạn” (兵荒马乱)** nói lên sự hoảng loạn của quân đội nói riêng hay sự hoảng loạn trong bối cảnh xã hội nào đó.
- **“Tẩu mã khán hoa” (走马看花)** các cụ xứ ta đã dịch là *cưỡi ngựa xem hoa*.

- **“Xe thủy mã long”** (车水马龙) miêu tả khung cảnh nhộn nhịp và sống động.
- **“Chiêu binh mại mã”** (招兵买马), ở xứ ta ai cũng hiểu là một cách tập hợp lực lượng .
- **“Kim qua thiết mã”** (金戈铁马) như cách nói của xứ ta là quân đội được trang bị đến tận răng.
- **“Thanh mai trúc mã”** (青梅竹马) dùng để chỉ những người bạn thời thơ ấu.
- **“Chỉ Lộc vi mã”** (指鹿为马) Chỉ hươu nói là ngựa mô tả việc xuyên tạc sự thật và đảo ngược đúng sai.
- **“Mạt mã lệ binh”** 【秣马厉兵】 cho ngựa ăn chần chỉnh binh sĩ nói lên tinh thần chuẩn bị tích cực.
- **“Mã nhĩ đông phong”** (马耳东风), tai ngựa trước gió đông. Xứ ta có câu nước đổ đầu vịt hay nước đổ lá khoai, chắc cùng ý nghĩa.
- **“Mã cách khỏa thi”** (马革裹尸) các cụ ta đã dịch ra là da ngựa bọc thân nơi chiến trường.
- **“Mã thủ thị chiêm”** (马首是瞻) câu này giống như xứ ta là Thiên lôi chỉ đâu đánh đó.
- **“Mã xỉ đồ trường”** (马齿徒长) ý nói phí hoài tuổi trẻ, già mà chưa đạt được thành tựu gì.
- **“Tái ông thất mã”** (塞翁失马), một ẩn dụ về cách vận rủi có thể biến thành vận may và ngược lại.
- **“Tứ mã nan truy”** (驷马难追) lời nói ra rồi không rút được lại, chú ý chữ tứ ở đây không phải là số 4 mà là cỗ xe bốn ngựa.
- **“Thanh sắc khuyến mã”** (声色犬马) miêu tả một cuộc sống cực kỳ truy lạc.
- **“Huyền nhai lạc mã”** (悬崖勒马) nghĩa là kìm cương ngựa trước bờ vực, ý nói biết dừng lại đúng lúc.
- **“Nô mã thập giá”** (弩马十驾) Ngựa kém cũng đi được hết 10 ngày đường, ngay cả người có ít khả năng cũng có thể đạt được mục tiêu của mình thông qua nỗ lực kiên trì.
- **“Nhân kháo y trang mã kháo yên”** (人靠衣装马靠鞍) Người dựa vào áo sống ngựa dựa vào cái yên tựa như câu của xứ ta “người đẹp vì lụa lúa tốt vì phân” .
- **“Lục mã ngưỡng mạt”** (六马仰秣) thành ngữ Trung Quốc mô tả âm nhạc hay đến nỗi ngay cả ngựa cũng bị thu hút và ngẩng đầu lên lắng nghe.
- **“Mã bất tri kiểm trường”** (马不知脸长) , ngựa không biết mặt mình dài, được dùng để miêu tả người không nhận thức được những sai sót của bản thân.
- **“Đơn thương thất mã”** (单枪匹马) câu mà các cụ xứ ta đã dịch là “đơn thương độc mã”. Chú ý chữ “thất” ở đây không phải là mất mà là lượng từ tiếng Trung chỉ một con ngựa.
- **“Hắc mã”** (黑马) mà ta gọi là ngựa ô, một phép ẩn dụ chỉ người chiến thắng trong một cuộc thi mà mọi người không hề ngờ tới.
- **“Phách mã thí”** 【拍马屁】 vỗ rắm ngựa. Một phép ẩn dụ chỉ sự nịnh hót, xu nịnh và bợ đỡ mà xứ ta hay nói người rắm khen thơm.
- **“Mã phiên nhân ngưỡng”** (马翻人仰) cảnh tượng hỗn loạn ngựa lật, người ngã ngựa , một tình huống hoàn toàn mất kiểm soát.
- Còn câu **“Mã công mai tốc”** (马工枚速), chữ mã ở đây không dùng để chỉ ngựa mà là Tư Mã Tương Như dùng để chỉ hai nhà văn nổi tiếng thời Tây Hán, Tư Mã Tương Như và Mai Cao. Tư Mã Tương Như nổi tiếng với lối viết tỉ mỉ và chính xác, trong khi Mai Cao nổi tiếng với tốc độ viết nhanh. Cụm từ này được dùng để ca ngợi thế mạnh của mỗi người.
- **“Nhân khốn mã phạt”** (人困马乏) người ngựa đều mệt mỗi ý nói đã kiệt hơi sức.
- **“Nhân hoan mã khiếu”** (人欢马叫) giống như câu ở xứ ta hai người đàn bà và con vịt thành cái chợ nói cảnh ồn ào chợ búa.
- **“Mã mã tề ám”** (马马齐暗) mô tả một tình huống xã hội hoặc chính trị tẻ nhạt, nơi mọi người không dám lên tiếng, không biết có giống với cái nguyên lý “Tập Trung Dân Chủ” của Lê nin hay không?
- **“Vạn mã bồn đằng”** (万马奔腾) muôn ngựa phi nước đại chỉ khí thế mạnh mẽ tràn đầy sinh lực.
- **“Ngưu đầu mã diện”** (牛头马面) ở ta có câu đầu trâu mặt ngựa là đây.
- **“Ngưu sưu mã bột”** (牛溲马勃) nước đái trâu, mồ hôi ngựa những thứ rẻ rúng như cỏ rơm ở xứ ta
- Lại còn câu **“Mã phóng nam sơn”** (马放南山) thả ngựa cho ăn cỏ ở sườn núi phía nam ẩn dụ nói việc giải trừ binh bị kiến tạo hòa bình. Bắt nguồn từ khi nhà Chu diệt nhà Thương đã thả ngựa xuống phía nam núi Hoa sơn cho ăn cỏ không cần dùng nữa.
- **“Ngũ mã phân phu”** (五马分尸) bắt nguồn từ một hình phạt thời trung cổ ý nói mọi thứ tan nát.

Tìm mãi không thấy có câu “ngựa non háu đá” như của ta mà xứ Tàu lại dùng hình tượng con bê non để thể hiện “**Sơ sinh ngựa độc bất phạ hổ**” (初生牛犊不怕虎) - bê non mới sinh không sợ hổ.

Câu cuối cùng muốn đưa ra ở đây là “**Mã đáo thành công**” (马到成功). Câu này không phải giải thích vì xứ ta cũng dùng nguyên văn, người viết Tờn này muốn dùng câu này để gửi đến mọi nhà năm mới và có đôi câu đối nhân năm Bính Ngọ như sau:

Tiếng Trung
馬踏祥雲添瑞氣
燕翔報喜送吉祥

Âm Hán Việt
Mã đạp tường vân, thêm thụy khí
Yến tường báo hỉ, tống cát tường

Dịch là:
Ngựa đạp mây lành thêm điềm tốt
Én lượn báo hỉ, gửi cát tường.